ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1739/QĐ-UBND	*An Giang, ngày 31 tháng10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Danh mục khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP ngày 21/9/2025 của Chính phủ để phục vụ các công trình, dự án đầu tư công và các công trình trọng điểm quốc gia, công trình APEC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tháo gỡ khó khăn trong triển khai Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 08-TB/TU ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Danh mục khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 288/TB-VP ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về kết luận Phiên họp Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh chuyên đề ngày 15 tháng 10 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1691/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phân công nhiệm vụ Chủ tịch và Phó Chủ tịch UBND tỉnh An Giang, nhiệm kỳ 2021-2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 551/TTr-SNNMT ngày 28 tháng 10 năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP ngày 21/9/2025 của Chính phủ để phục vụ các công trình, dự án đầu tư công và các công trình trọng điểm quốc gia, công trình APEC, cụ thể gồm các khu vực sau:

STT	Khu vực mỏ	Diện tích/trữ lượng dự kiến	Khoáng sản khai thác được sử dụng	Vị trí, tọa độ
I	**Đá xây dựng**			Phụ lục đính kèm
1	Khu 1 mỏ đá xây dựng núi Hòn Sóc, xã Hòn Đất	15,2ha/08 triệu m^3	Phục vụ các công trình, dự án đầu tư công và các công trình trọng điểm quốc gia, công trình APEC	
2	Khu 2 mỏ đá xây dựng núi Hòn Sóc, xã Hòn Đất	12,3ha/07 triệu m^3	Phục vụ các công trình, dự án đầu tư công và các công trình trọng điểm quốc gia, công trình APEC	
3	Khu 1 mỏ đá xây dựng núi Trà Đuốc Lớn, Trà Đuốc Nhỏ xã Kiên Lương	80,48ha/20 triệu m^3	Phục vụ các công trình, dự án đầu tư công và các công trình trọng điểm quốc gia, công trình APEC	
4	Khu 2 mỏ đá xây dựng núi Trà Đuốc Lớn, Trà Đuốc Nhỏ xã Kiên Lương	44,70ha/14 triệu m^3	Phục vụ các công trình, dự án đầu tư công và các công trình trọng điểm quốc gia, công trình APEC	
Tổng trữ lượng dự kiến		**49 triệu m^3**		
II	**Cát san lấp**			
1	Khu mỏ phía Đông Nam mũi Ông Đội, đặc khu Phú Quốc	140ha/07 triệu m^3	Phục vụ thi công Dự án xây dựng kè và san lấp mặt bằng xây dựng Trung tâm Hội nghị APEC và các công trình chức năng	Phụ lục đính kèm
2	Khu mỏ phía Đông Bắc mũi Ông Đội, đặc khu Phú Quốc	286ha/14,3 triệu m^3	Phục vụ thi công Dự án xây dựng kè và san lấp mặt bằng xây dựng Trung tâm Hội nghị APEC và các công trình chức năng	
3	Mỏ vật liệu san lấp từ biển phường Rạch Giá	1.000ha/100 triệu m^3	Phục vụ các công trình, dự án đầu tư công và các công trình trọng điểm quốc gia	
4	Mỏ vật liệu san lấp từ biển Vịnh Thuận Yên, phường Tô Châu	800ha/80 triệu m^3	Phục vụ các công trình, dự án đầu tư công và các công trình trọng điểm quốc gia	
5	Mỏ vật liệu san lấp từ biển khu vực Ven Bãi Bắc, đặc khu Kiên Hải	1.000ha/100 triệu m^3	Phục vụ các công trình, dự án đầu tư công và các công trình trọng điểm quốc gia	
6	Mỏ vật liệu san lấp từ biển Bãi Vòng, đặc	250ha/25	Phục vụ các công trình, dự án đầu tư công và các công	

STT	Khu vực mỏ	Diện tích/trữ lượng dự kiến	Khoáng sản khai thác được sử dụng	Vị trí, tọa độ
	khu Phú Quốc	triệu m^3	trình trọng điểm quốc gia	
Tổng trữ lượng dự kiến		**326,3 triệu m^3**		
III	**Đất san lấp**			
1	Phần diện tích mở rộng quy hoạch mỏ đất san lấp núi Nhọn, phường Tô Châu	23,97ha/4,5 triệu m^3	Phục vụ dự án đường trục chính ven biển vào Trung tâm thành phố Hà Tiên và Dự án đường dẫn ra cảng tổng hợp Hà Tiên	Phụ lục đính kèm

Các khu vực được khoanh định không đấu giá quyền khai thác khoáng sản như trên căn cứ theo quy định:

- Tại khoản 2 và khoản 4, Điều 100, Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024;

- Tại khoản 5, Điều 143, Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

- Tại điểm a[1], khoản 5, Điều 2 của Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP ngày 21/9/2025 của Chính phủ về việc ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tháo gỡ khó khăn trong triển khai Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản.

2. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản không qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và các địa phương nơi có khu mỏ tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép hoạt động khoáng sản không qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các khu vực khoáng sản nêu trên theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu nơi có khu mỏ có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi, bảo đảm cho việc triển khai thực hiện cấp phép hoạt động khoáng sản đối với các khu vực đã được khoanh định không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện Quyết định này. Quản lý và bảo vệ khoáng sản chưa được cấp Giấy phép khai thác trên địa bàn, không để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép. Thường xuyên kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm về hoạt động khoáng sản

[1] a) Khu vực khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng, khoáng sản nhóm IV cung cấp cho các công trình, dự án, nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này

trên địa bàn; tăng cường công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản, bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4 của QĐ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Địa chất và Khoáng sản VN;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Công an tỉnh;
- CVP và các P.CVP UBND tỉnh;
- Các Phòng: TH, KT;
- Lưu: VT, vtxuan.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Ngô Công Thức